CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Đầu tư - Kinh doanh Nhà

Ngày 30/09/2024	11,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.2%	**-7.1%**	**-**

DT thuần
Q3/24
135
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.00| 0.5%
YoY: ▲ 1.00| 0.5%

LN thuần
Q3/24
3.80
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.64| -59.7%
YoY: ▼8.70| -69.6%

LN sau thuế
Q3/24
6.12
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.70| 38.4%
YoY: ▼0.72| -10.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
21.9%
YoY: +/-▼ 1.5%

ROE (TTM)
Q3/24
3.3%
YoY: +/-▲ 0.0%

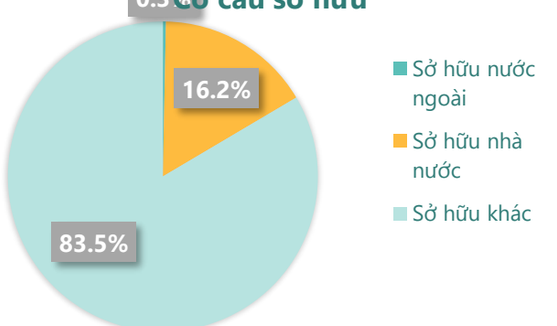
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,310 - 12,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,074
Số lượng CPLH (CP)	95,935,049
KLGD BQ 20 phiên (CP)	319,790
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	1.43
EPS	775
P/E	14.5

DT thuần
9T 2024
404
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.00| -0.5%

LN thuần
9T 2024
28.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼11.5| -28.8%

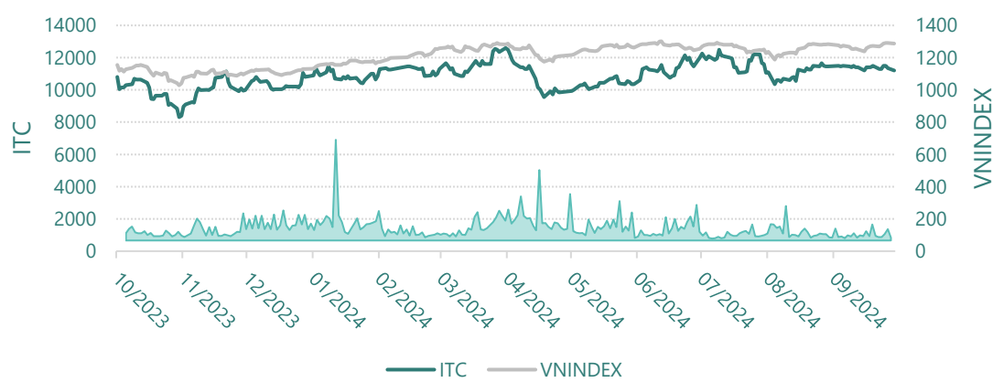
LN sau thuế
9T 2024
21.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.00| -8.8%

Cơ cấu sở hữu

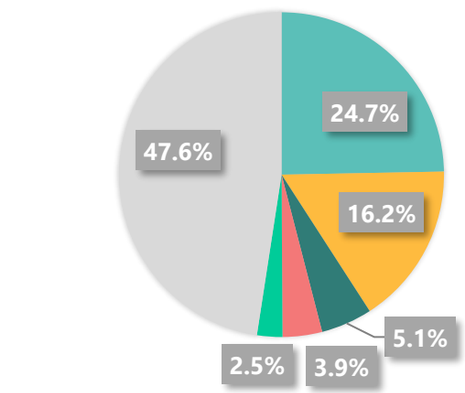


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



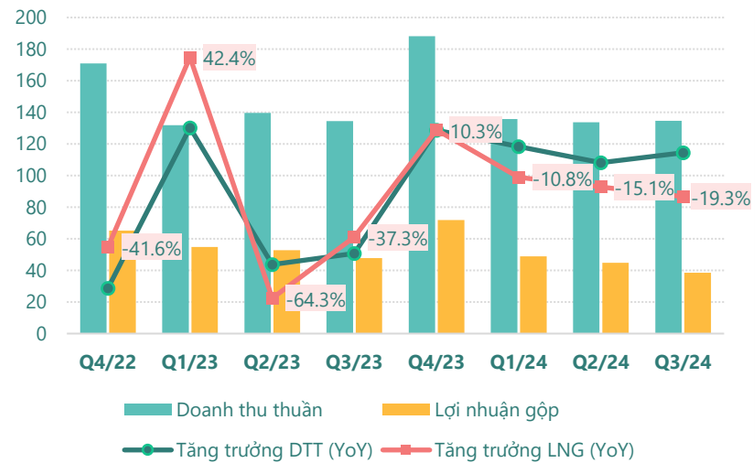
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

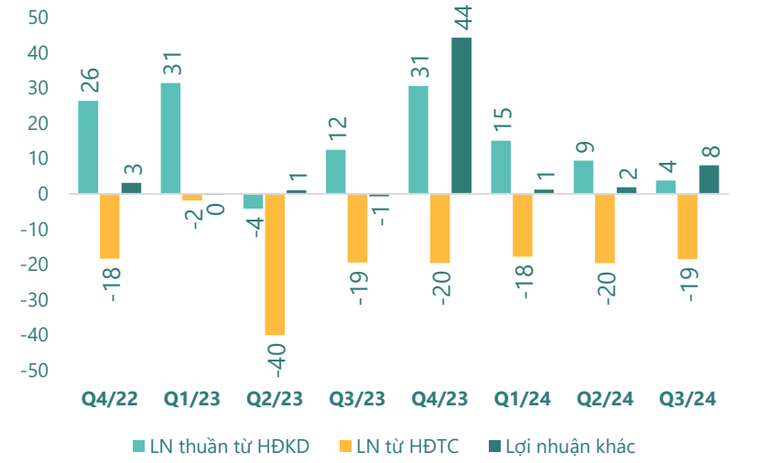
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



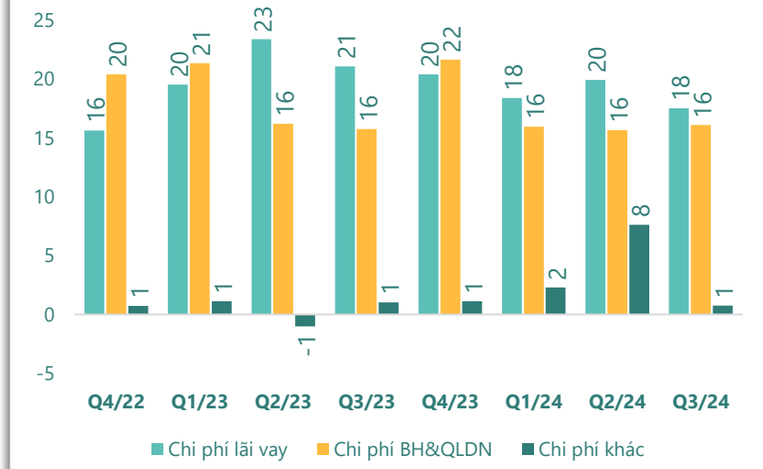
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



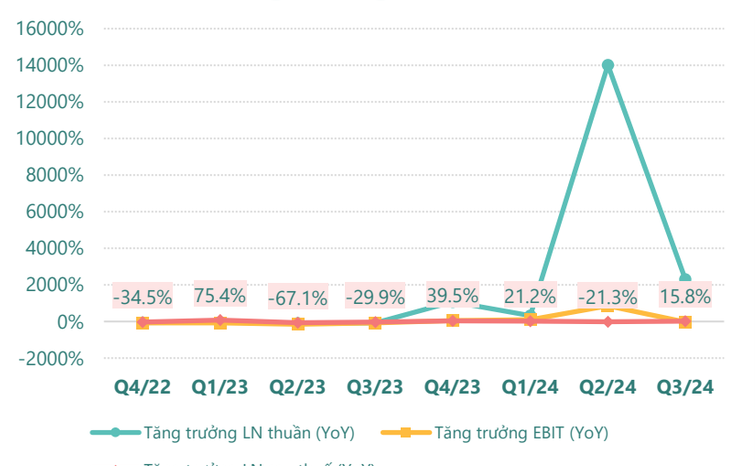
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



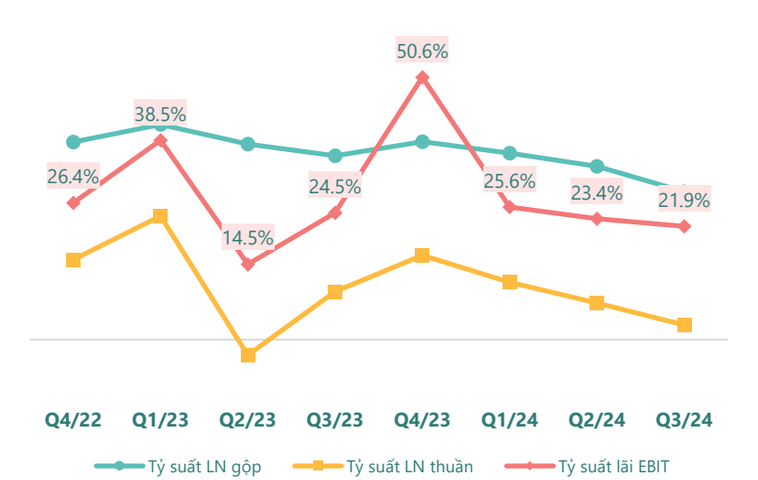
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



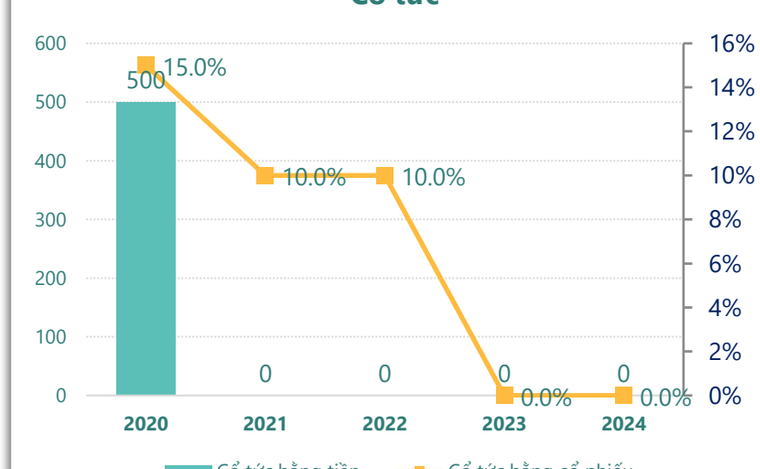
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

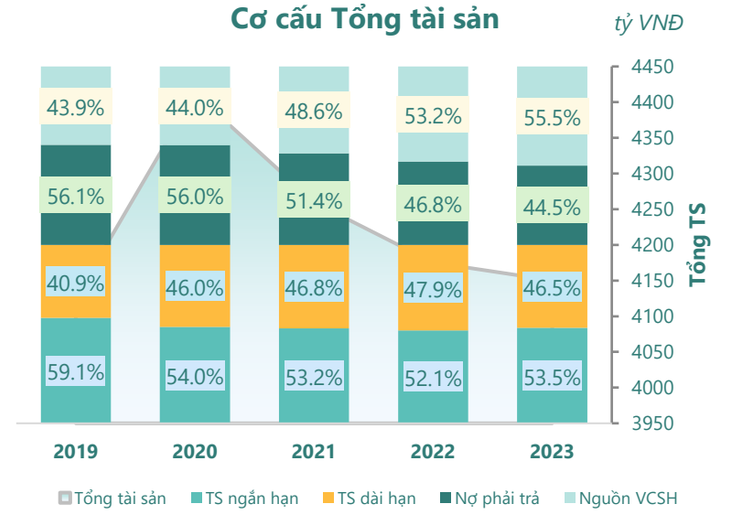
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

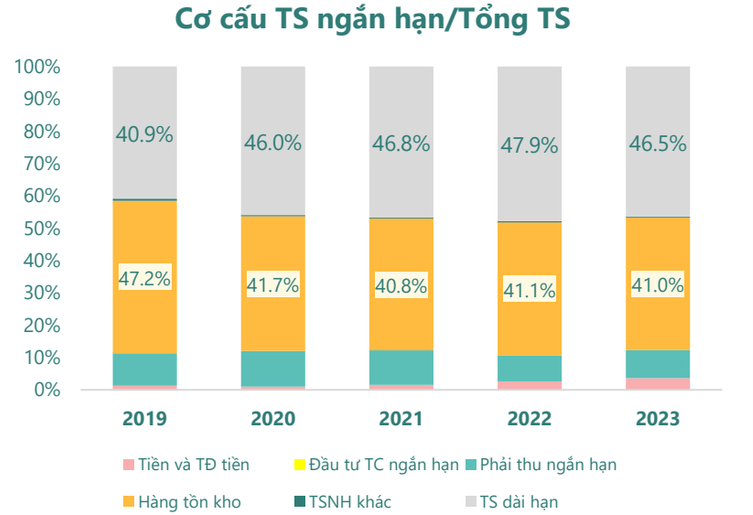
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



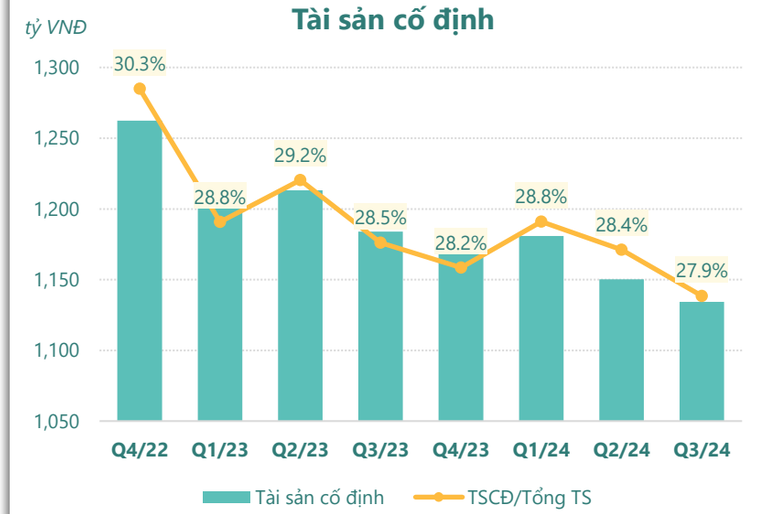
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



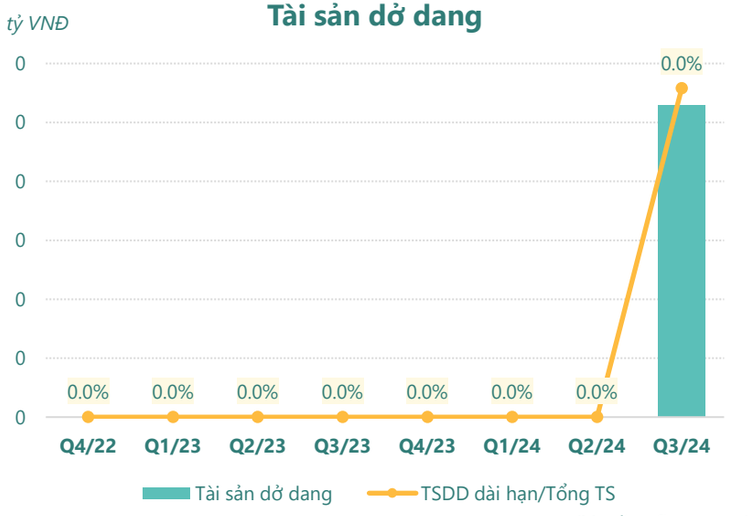
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



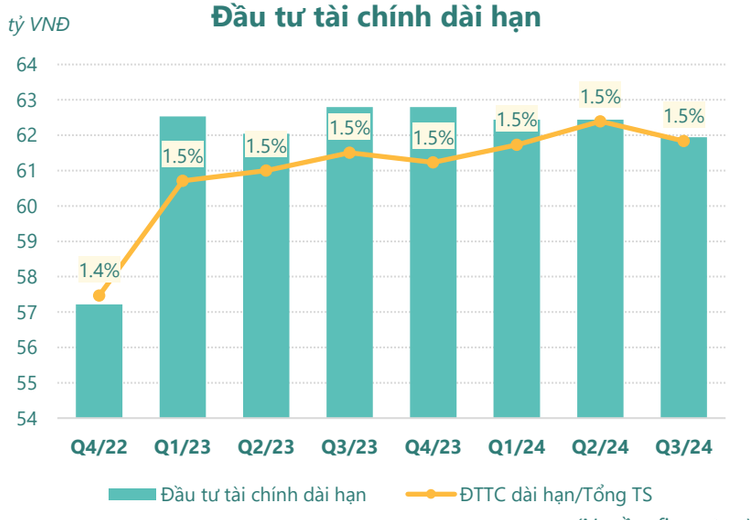
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



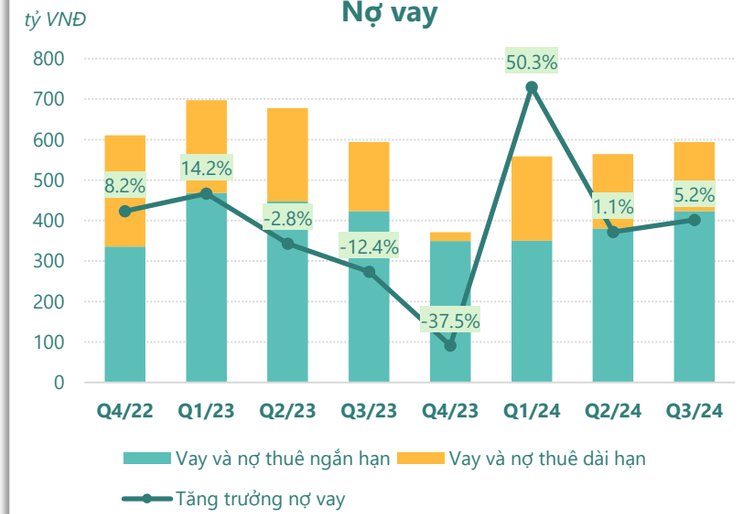
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

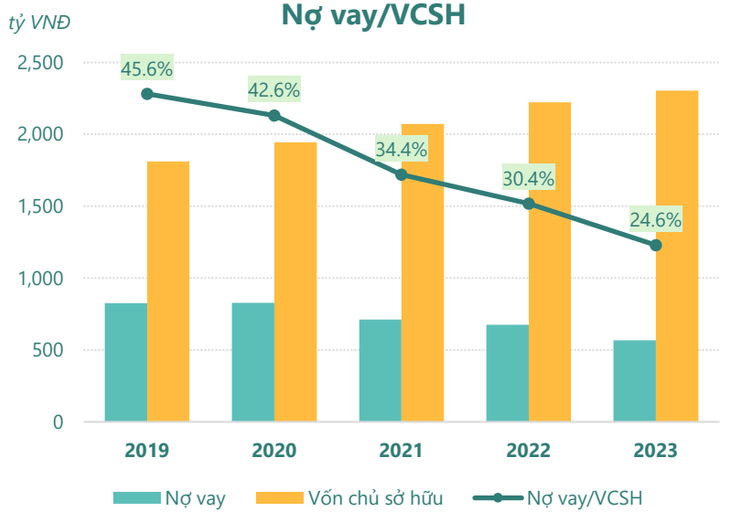
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

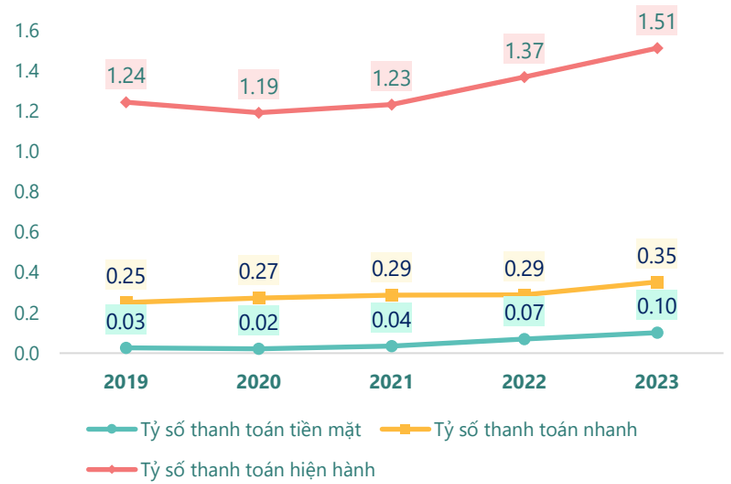
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



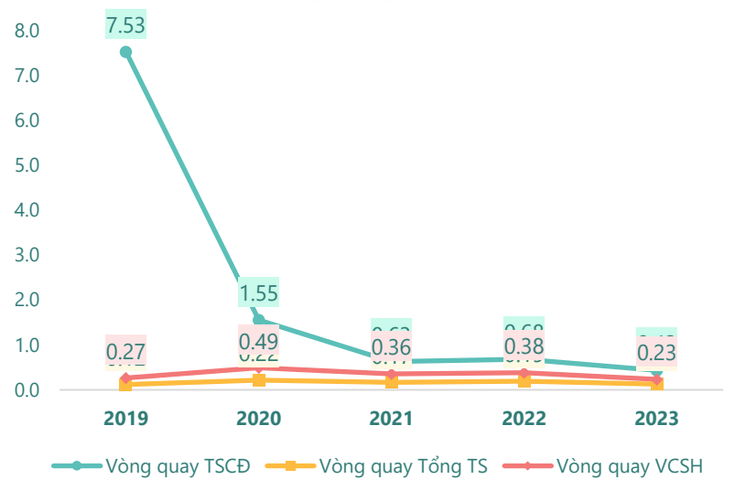
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



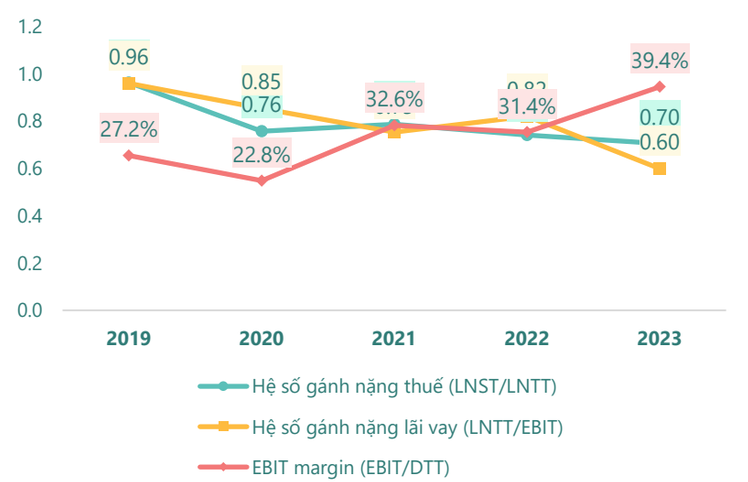
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



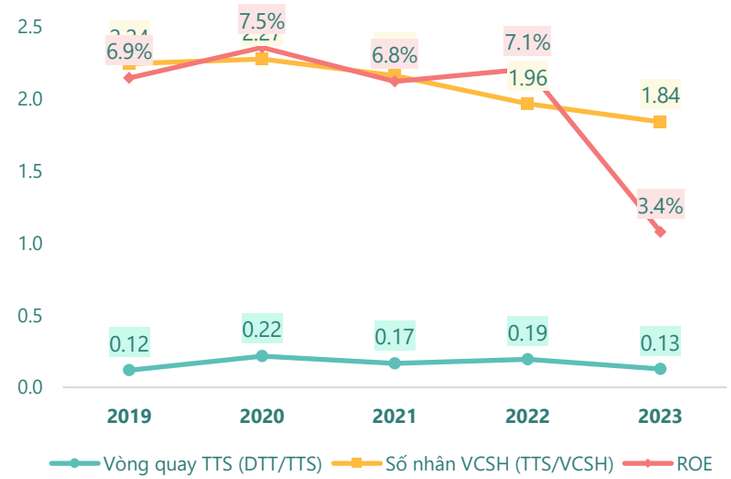
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



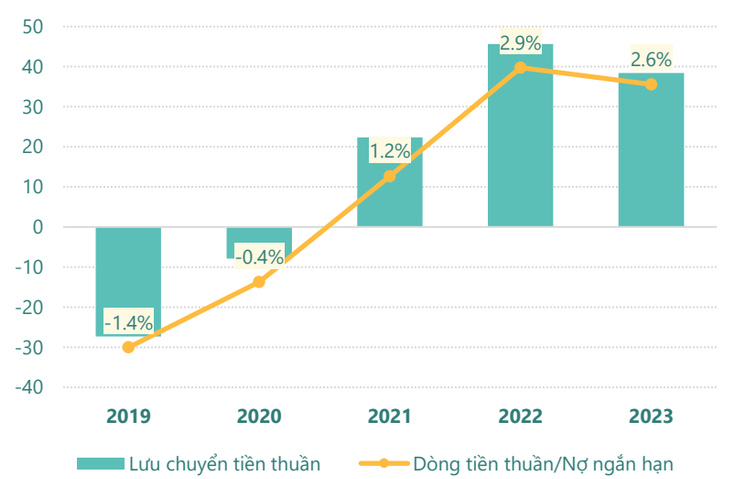
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**135**	**134**	**0.5%**	**404**	**406**	**-0.5%**
Giá vốn hàng bán	96.2	86.7	11.0%	272	251	8.4%
Lợi nhuận gộp	38.5	47.7	-19.4%	132	155	-14.9%
Doanh thu HĐTC	0.14	1.67	-91.5%	1.09	2.68	-59.3%
Chi phí TC	18.7	21.1	-11.4%	57.0	64.1	-10.9%
Chi phí lãi vay	17.5	21.1	-16.9%	55.9	64.0	-12.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**-0.61**	**100%**
Chi phí bán hàng	1.82	1.43	27.5%	4.80	4.89	-2.0%
Chi phí QLDN	**14.3**	**14.3**	**-0.1%**	**43.0**	**48.5**	**-11.3%**
LN thuần từ HĐKD	3.80	12.5	-69.6%	28.3	39.8	-28.8%
Lợi nhuận khác	**8.09**	**-0.66**	**1326%**	**11.2**	**0.13**	**8430%**
LN trước thuế	11.9	11.8	0.8%	39.5	39.9	-1.0%
Lợi nhuận sau thuế	**6.12**	**6.84**	**-10.5%**	**21.5**	**23.5**	**-8.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**7.23**	**6.69**	**8.0%**	**22.7**	**17.2**	**32.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	19.6	124	186	-14.1	5.03	36.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	7.77	-44.9	15.1	0.03	-2.46	20.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-21.0	-51.7	-181	-11.0	-10.7	-70.0
Tiền đầu kỳ	94.6	101	129	149	124	116
Lưu chuyển tiền thuần	**6.35**	**27.7**	**20.2**	**-25.1**	**-8.11**	**-13.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.11	0	0	0.10
Tiền cuối kỳ	101	129	149	124	116	103

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,064**	**4,150**	**-2.1%**
Tài sản ngắn hạn	2,193	2,219	-1.2%
Tiền và tương đương tiền	103	149	-31.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	332	360	-7.8%
Hàng tồn kho	1,747	1,701	2.7%
Tài sản ngắn hạn khác	11.1	8.67	27.7%
Tài sản dài hạn	**1,871**	**1,931**	**-3.1%**
Phải thu dài hạn	31.9	11.9	168%
Tài sản cố định	1,134	1,196	-5.1%
Bất động sản đầu tư	601	615	-2.2%
Tài sản dở dang	0.03	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	61.9	62.4	-0.8%
Tài sản dài hạn khác	**41.5**	**46.3**	**-10.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,738	1,845	-5.8%
Nợ ngắn hạn	**1,390**	**1,467**	**-5.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	423	369	14.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	116	111	4.5%
Nợ dài hạn	348	378	-7.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	171	198	-13.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,326**	**2,305**	**0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**2,326**	**2,305**	**0.9%**
Vốn điều lệ	964	964	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)